

Số: /TTr-UBND

Hải Dương, ngày tháng năm 2024

Dự thảo

TỜ TRÌNH

Đề nghị xây dựng Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định hỗ trợ học phí đối với học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông khi doanh nghiệp đặt hàng đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Thực hiện Thông báo kết luận số 1048-TB/TU ngày 05/6/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về một số chính sách an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh; Thông báo số 502-TB/VPTU ngày 17/8/2023 của Văn phòng Tỉnh ủy thông báo kết luận của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy tại Hội nghị tiếp xúc, đối thoại với cán bộ, công chức, viên chức lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh; Công văn số 3131/UBND-VP ngày 23/8/2023 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Thông báo 502-TB/VPTU.

Thực hiện Quyết định số 1584/QĐ-UBND ngày 07/6/2022 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án “Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh, góp phần xây dựng Hải Dương trở thành tỉnh công nghiệp hiện đại vào năm 2030”; Kế hoạch số 238/KH-UBND ngày 07/02/2023 về thực hiện Đề án “Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh, góp phần xây dựng Hải Dương trở thành tỉnh công nghiệp hiện đại vào năm 2030”. Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét xây dựng Nghị quyết về việc hỗ trợ học phí đối với học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông khi doanh nghiệp đặt hàng đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương, với những nội dung sau:

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH CHÍNH SÁCH

1. Cơ sở pháp lý

Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2014; Luật Việc làm năm 2013; Luật Giáo dục năm 2019.

Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 06/6/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của đảng đối với công tác đào tạo nguồn nhân lực có tay

nghe cao; Chỉ thị số 24/CT-TTg ngày 28/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nhân lực có kỹ năng nghề, góp phần nâng cao năng suất lao động và tăng năng lực cạnh tranh quốc gia trong tình hình mới; Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 04/5/2023 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Giáo dục nghề nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018-2025”; Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ học phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ học phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Thông tư số 05/2022/TT-BLĐTBXH ngày 05/4/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về liên kết tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trong giáo dục nghề nghiệp.

Kế hoạch số 2410/KH-UBND ngày 19/7/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018-2025” trên địa bàn tỉnh Hải Dương; Kế hoạch số 3231/KH-UBND ngày 07/9/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Chỉ thị số 24/CT-TTg ngày 28/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nhân lực có kỹ năng nghề, góp phần nâng cao năng suất lao động và tăng năng lực cạnh tranh quốc gia trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 1584/QĐ-UBND ngày 07/6/2022 phê duyệt Đề án “Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh, góp phần xây dựng Hải Dương trở thành tỉnh công nghiệp hiện đại vào năm 2030”; Kế hoạch số 238/KH-UBND ngày 07/02/2023 về thực hiện Đề án “Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh, góp phần xây dựng Hải Dương trở thành tỉnh công nghiệp hiện đại vào năm 2030”; Kế hoạch số 1305/KH-UBND ngày 12/5/2022 về thực hiện chương trình chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Hải Dương; Kế hoạch số 1306/KH-UBND ngày 12/5/2022 về thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp tỉnh Hải Dương giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Kế hoạch số 2625/KH-UBND ngày 21/7/2023 thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW, ngày 04/5/2023 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030; Công văn số 1765/UBND-VP ngày 01/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo việc gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

2. Cơ sở thực tiễn

2.1. Thực trạng lao động và giáo dục nghề nghiệp tại tỉnh Hải Dương

2.1.1. Thực trạng về lao động

- Dân số tỉnh Hải Dương năm 2023 là 2.119.470 người. Quy mô dân số của tỉnh đứng thứ 8/63 của cả nước và thứ 3/11 vùng Đồng bằng sông Hồng (sau Hà Nội, Hải Phòng).

Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên là 1.369.470 người, đứng thứ 11/63 cả nước và thứ 3/11 vùng Đồng bằng sông Hồng.

Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên có việc làm là 1.344.820 người, theo cơ cấu lao động như sau: công nghiệp xây dựng 703.341 người, tỷ lệ 52,3%; dịch vụ 422.273 người, tỷ lệ 31,4% và nông, lâm nghiệp, thủy sản 219.206 người, tỷ lệ 16,3%.

- Có 374.320 lao động đang làm việc trong 8.522 doanh nghiệp.

- Lực lượng lao động tỉnh ngoài làm việc tại Hải Dương: là 63.420 người (tính đến hết quý 3/2023).

2.1.2. Thực trạng sử dụng lao động trong doanh nghiệp

Toàn tỉnh hiện có 19.349 doanh nghiệp đăng ký hoạt động kinh doanh.

Theo thống kê, năm 2023, toàn tỉnh có 8.522 doanh nghiệp đang hoạt động, sử dụng 374.320 lao động (gồm 12 doanh nghiệp nhà nước, 8.149 doanh nghiệp ngoài nhà nước và 361 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài). Trong đó:

- Trong khu công nghiệp: có 257 doanh nghiệp đang hoạt động, sử dụng 101.000 lao động. Ngoài khu công nghiệp: có 8.265 doanh nghiệp đang hoạt động, sử dụng 273.320 lao động.

- Theo địa giới hành chính: TP. Hải Dương: 3.755 doanh nghiệp, sử dụng 130.703 lao động; TP. Chí Linh: 543 doanh nghiệp, sử dụng 22.120 lao động, huyện Nam Sách: 414 doanh nghiệp, sử dụng 12.514 lao động; thị xã Kinh Môn: 783 doanh nghiệp, sử dụng 25.395 lao động; huyện Kim Thành: 463 doanh nghiệp, sử dụng 24.554 lao động, huyện Thanh Hà: 251 doanh nghiệp, sử dụng 12.535 lao động; huyện Cẩm Giàng: 770 doanh nghiệp, sử dụng 67.537 lao động; huyện Bình Giang: 412 doanh nghiệp, sử dụng 12.829 lao động, huyện Gia Lộc: 265 doanh nghiệp, sử dụng 10.973 lao động; huyện Tứ Kỳ: 438 doanh nghiệp, sử dụng 27.866 lao động; huyện Ninh Giang: 169 doanh nghiệp, sử dụng 7.586 lao động; huyện Thanh Miện: 259 doanh nghiệp, sử dụng 19.708 lao động.

Cơ cấu lao động trong các doanh nghiệp theo giới tính, tỷ trọng lao động nữ chiếm 57%; cao hơn khá nhiều tỷ trọng lao động nam chiếm 43%.

Theo trình độ chuyên môn, số người có trình độ đại học và trên đại học năm 2023 là 41.924 người, chiếm 11,2% tổng số lao động; cao đẳng: 22.834 người, chiếm 6,1%; trung cấp: 20.962 người, chiếm 5,6%; sơ cấp: 34.812 người,

chiếm 9,3%; lao động phổ thông và đào tạo dưới 3 tháng: 253.788 người, chiếm 67,8%.

- Theo ngành, nghề, công việc: Ngành dệt may, da giày là 136.212 người, tỷ lệ 36%; điện tử là 38.613 người, chiếm 10%; công nghiệp chế biến là 29.130 người, chiếm 7%; Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic 12.334 người, chiếm 3%, ...

Việc sử dụng lao động của các doanh nghiệp có xu hướng giảm, năm 2020 bình quân một doanh nghiệp sử dụng 44 lao động, đến năm 2023 chỉ còn 41 lao động/1doanh nghiệp. Loại hình doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tuy chiếm tỷ trọng nhỏ về số lượng doanh nghiệp (chiếm 4,0%) nhưng đa số là những doanh nghiệp sử dụng số lượng lao động nhiều. Xu hướng lao động bình quân/doanh nghiệp giảm phản ánh xu hướng tích cực về phát triển kinh tế của tỉnh đó là số doanh nghiệp có chất lượng lao động và trình độ công nghệ cao đang tăng lên, thay thế cho lao động thủ công.

Đánh giá chung: Lao động trên địa bàn tỉnh từng bước được nâng cao về chất lượng, tỷ lệ lao động qua đào tạo được cập chứng chỉ tăng từ 26,5% năm 2020 lên 32,5% năm 2023. Số lượng lao động làm việc trong các ngành dệt may, da giày, điện tử, ... chiếm tỷ lệ cao. Theo đánh giá của các doanh nghiệp: 68,5% người lao động đáp ứng tốt về năng lực chuyên môn; tỷ lệ lao động đáp ứng rất tốt là 8,6%, tỷ lệ lao động đáp ứng ở mức độ trung bình là 22,9%. Thái độ làm việc của người lao động được doanh nghiệp đánh giá ở mức độ tốt là 64,6%, mức độ rất tốt là 16,8%, mức độ trung bình là 18,6%.

Đến nay, tỷ lệ lao động làm việc trong các doanh nghiệp chiếm khoảng 39% lực lượng lao động, như vậy còn một lượng lớn lao động đang làm việc ở khu vực phi chính thức. Mặt khác, số lao động làm việc trong các doanh nghiệp đa phần trong độ tuổi từ 25 đến 49 (chiếm 75,7%), số lao động trên 50 tuổi chỉ chiếm khoảng 10,7% trong khi tổng số người lao động từ 50 tuổi trở lên trong lực lượng lao động của tỉnh là 228.500 người (chiếm 24,3%). Vì vậy, có thể thấy lao động trong doanh nghiệp là lao động trẻ.

2.1.3. Thực trạng công tác giáo dục nghề nghiệp

- Tỉnh Hải Dương hiện có 33 cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp, gồm: 08 trường cao đẳng, 03 trường trung cấp, 09 trung tâm GDNN; 12 trung tâm GDNN - GDTX, 01 doanh nghiệp tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Trong đó:

Khối công lập có 22 cơ sở gồm: 07 trường cao đẳng, 01 trường trung cấp, 02 trung tâm GDNN, 12 trung tâm GDNN - GDTX; Khối tư thực có 11 cơ sở gồm: 01 trường cao đẳng, 02 trường trung cấp, 07 trung tâm GDNN và 01 doanh nghiệp.

Chia theo địa giới hành chính: thành phố Hải Dương có 12 cơ sở, thành phố Chí Linh có 05 cơ sở, huyện Nam Sách có 03 cơ sở, thị xã Kinh Môn có

01 cơ sở, huyện Kim Thành có 03 cơ sở, huyện Thanh Hà có 01 cơ sở, huyện Cẩm Giàng có 02 cơ sở, huyện Bình Giang có 01 cơ sở, huyện Gia Lộc có 01 cơ sở, huyện Tứ Kỳ 01 cơ sở, huyện Ninh Giang có 01 cơ sở, huyện Thanh Miện có 01 cơ sở. Như vậy, số lượng các cơ sở giáo dục nghề nghiệp phần lớn tập trung tại thành phố Hải Dương, thành phố Chí Linh và một số huyện gần thành phố Hải Dương.

Ngành nghề tuyển sinh: Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp được phép tuyển sinh, đào tạo 32 nghề trình độ cao đẳng, 136 nghề trình độ trung cấp, 157 nghề trình độ sơ cấp. Trong đó, 09 trường cao đẳng, trung cấp công lập được Bộ Lao động Thương binh và Xã hội lựa chọn thực hiện đầu tư các ngành, nghề trọng điểm gồm 12 nghề cấp độ quốc gia, 09 nghề cấp độ khu vực Asean và 07 nghề cấp quốc tế.

- Về quy mô tuyển sinh và đào tạo: Hiện tại các trường cao đẳng, trung cấp nghề hoạt động trên địa bàn tỉnh đáp ứng được quy mô tuyển sinh và đào tạo là 3.100 sinh viên hệ cao đẳng/năm và trên 6.300 học sinh hệ trung cấp/năm. Giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2023, toàn tỉnh đã tuyển mới giáo dục nghề nghiệp được 114.593 học sinh, sinh viên, trong đó trình độ cao đẳng và trung cấp đạt 15.792 học sinh, sinh viên (chiếm 13,78% tổng số đào tạo), tập trung một số nhóm ngành, nghề đào tạo như sau: nhóm ngành, nghề khoa học xã hội nhân văn, nghệ thuật, giáo dục và đào tạo, báo chí, thông tin và kinh doanh: 240 học sinh, sinh viên; nhóm ngành, nghề kỹ thuật và công nghệ thông tin đạt 6.624 học sinh, sinh viên; nhóm ngành, nghề sản xuất, chế biến và xây dựng đạt 1.283 học sinh, sinh viên; nhóm ngành, nghề sức khỏe đạt 1.876; nhóm ngành, nghề dịch vụ, du lịch và môi trường đạt 401 học sinh, sinh viên; nhóm ngành, nghề khác đạt 5.368 học sinh, sinh viên.

- Năm 2022, các trường cao đẳng, trung cấp trên địa bàn tỉnh tuyển sinh được 5.544 học sinh, sinh viên, trình độ cao đẳng, trung cấp. Trong đó, số học sinh, sinh viên là người có địa chỉ thường trú tại tỉnh Hải Dương là 4.594 người, ngoài tỉnh là 950 người; Năm 2023, các trường cao đẳng, trung cấp trên địa bàn tỉnh tuyển sinh được 3.912 học sinh, sinh viên, trình độ cao đẳng, trung cấp. Trong đó, số học sinh, sinh viên là người có địa chỉ thường trú tại tỉnh Hải Dương khoảng 3.239 người (chiếm 82,8%), ngoài tỉnh là 673 người (chiếm 17,2%). Trong đó, học sinh tốt nghiệp THPT học trình độ cao đẳng, trung cấp bình quân hàng năm là 1.900 học sinh, sinh viên.

- Năm 2022, số học sinh tốt nghiệp THPT trên địa bàn tỉnh là 19.709 người, trong đó số học sinh tốt nghiệp THPT tiếp tục học lên trình độ cao đẳng, trung cấp là 2.665 người; Năm 2023, số học sinh tốt nghiệp THPT trên địa bàn tỉnh là 21.331 người, trong đó số học sinh tốt nghiệp THPT tiếp tục học lên trình độ cao đẳng, trung cấp là 2.950 người.

- Về nhà giáo giáo dục nghề nghiệp: Toàn tỉnh hiện có 1.868 nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, trong đó, số nhà giáo có trình độ trên đại học là 528 người, trình độ đại học là 979 người, trình độ cao đẳng và trung cấp là 352 người và khác là 09 người. Đội ngũ nhà giáo cơ bản đạt chuẩn và trên chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

- Về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo: Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã đáp ứng được theo danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu. Trường Cao đẳng nghề Hải Dương được lựa chọn đầu tư trở thành trường chất lượng cao. Thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội, Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 24/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh, Trường Cao đẳng nghề Hải Dương được hỗ trợ đầu tư 70 tỷ đồng để cải tạo, xây dựng mới cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị phục vụ đào tạo.

- Về nội dung, chương trình và phương pháp đào tạo: Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thường xuyên cập nhật, đổi mới nội dung, chương trình đào tạo theo hướng hiện đại và phù hợp với thực tiễn, trong đó có sự đổi mới về mục tiêu đào tạo, lấy người học làm trung tâm. Một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã mời các doanh nghiệp, cá nhân, người sử dụng lao động tham gia vào quá trình xây dựng, chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo và đánh giá năng lực người học, qua đó giúp học sinh, sinh viên sau khi ra trường có thể trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất của doanh nghiệp.

Đánh giá chung: Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh đã có nhiều chuyển biến tích cực về nội dung, chương trình, phương pháp đào tạo; chất lượng đội ngũ nhà giáo được nâng cao đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ. Tuy nhiên, chất lượng đào tạo chưa đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động và yêu cầu của phát triển kinh tế, xã hội. Nhiều cơ sở giáo dục nghề nghiệp mới chỉ đào tạo theo nguồn “cung” có sẵn, chưa đáp ứng đào tạo theo kịp “cầu” của thị trường lao động.

2.2 Dự báo nhu cầu sử dụng lao động trong doanh nghiệp

Đối với các doanh nghiệp, cơ sở đang sản xuất kinh doanh: Dự báo nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực của các doanh nghiệp đang hoạt động để mở rộng sản xuất kinh doanh và thay thế lao động hằng năm khoảng 80.000 người, trong đó: đại học và trên đại học 2.200 người, cao đẳng 2.000 người, trung cấp 2.300 người, sơ cấp 3.800 người, lao động phổ thông 69.700 người.

Đối với các dự án đầu tư mới:

Đến 2025, diện tích đất cho thuê các Khu công nghiệp, cụm công nghiệp ước đạt 2.415 ha (tăng thêm 733 ha so với năm 2021). Nhu cầu lao động cho các khu công nghiệp, cụm công nghiệp là 291.300 người; tăng thêm khoảng 86.297 người. Trong đó, đại học và trên đại học 2.316 người, cao đẳng 1.921 người,

trung cấp 2.126 người, sơ cấp 5.058 người, lao động phổ thông 74.876 người.

Đến năm 2030, diện tích đất cho thuê ước đạt 4.241 ha (tăng thêm 1.825 ha so với năm 2025). Nhu cầu lao động cho các khu, cụm công nghiệp là 466.100 người; tăng thêm 174.846 người so với năm 2025. Trong đó, đại học và trên đại học 6.341 người, cao đẳng 3.878 người, trung cấp 11.071 người, sơ cấp 21.574 người, lao động phổ thông 131.982 người.

Nhu cầu sử dụng lao động theo ngành nghề: Thực hiện Đề án “Phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030”, giai đoạn tới, tỉnh Hải Dương ưu tiên thu hút các doanh nghiệp công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ sạch, doanh nghiệp lắp ráp lớn để dẫn dắt phát triển sản phẩm công nghiệp hỗ trợ, làm nền tảng bước đầu tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Trong đó: Đối với công nghiệp hỗ trợ: ưu tiên thu hút doanh nghiệp đầu tư sản xuất một số ngành, nghề như: các loại khuôn mẫu có độ chính xác cao; các loại chi tiết cơ khí tiêu chuẩn chất lượng cao dùng cho các thiết bị điện tử, cơ điện tử, rô bốt công nghiệp; các loại linh kiện điện tử, mạch vi điện tử để phát triển các thiết bị điều khiển; cảm biến các loại; các loại động cơ thế hệ mới, ... Đối với công nghiệp công nghệ cao: ưu tiên thu hút các doanh nghiệp công nghiệp công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ sạch, các doanh nghiệp lắp ráp lớn mang lại giá trị kinh tế cao, như: công nghệ rô-bốt, vật liệu tiên tiến, trí tuệ nhân tạo, internet vạn vật, dữ liệu lớn, chuỗi khối, ...

2.3. Dự báo nguồn cung lao động

Đến năm 2025 dự báo lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên là 1.385.470 người. Trong đó trình độ đại học và trên đại học: 185.792 người, cao đẳng: 74.815 người, trung cấp: 91.441 người, sơ cấp: 132.867 người, lao động phổ thông: 900.555 người.

Đến năm 2030 dự báo lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên là 1.410.470 người. Trong đó trình độ đại học và trên đại học: 203.249 người, cao đẳng: 90.270 người, trung cấp: 107.196 người, sơ cấp: 163.473 người và lao động phổ thông: 846.282 người.

Hằng năm có thêm khoảng 27.000 người tham gia vào thị trường lao động (*bao gồm: 20.000 người đến tuổi lao động, khoảng 5.000 người đi làm việc tại nước ngoài hết hạn hợp đồng trở về, khoảng 2.500 người là bộ đội xuất ngũ*); trong đó có khoảng 80-85% (23.000 người) tham gia thị trường lao động chính thức, còn lại tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh của hộ cá thể.

Giai đoạn 2021 - 2025 và giai đoạn đến năm 2030, lực lượng lao động vẫn tập trung đông tại các huyện, thị xã, thành phố có hoạt động sản xuất công nghiệp phát triển; tăng thêm ở các huyện, thị đang có nhiều dự án KCN, CCN đang được triển khai như Nam Sách, Gia Lộc, Kim Thành, Thanh Hà, Thanh Miện.

2.4. Khó khăn, hạn chế và nguyên nhân

Công tác giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh hiện nay còn nhiều bất cập, chưa đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, do các nguyên nhân và khó khăn, hạn chế như sau:

- Nhận thức của người dân đối với công tác giáo dục nghề nghiệp còn hạn chế, đa số muốn con em học đại học, không muốn học nghề. Mặt khác, do sự thay đổi về cơ chế chính sách, các trường đại học được thành lập nhiều, điểm chuẩn đầu vào đại học thấp nên số lượng các thí sinh có nguyện vọng đi học giáo dục nghề nghiệp tại các trường cao đẳng, trung cấp thấp.

- Chất lượng đào tạo của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh chưa đáp ứng được yêu cầu của công cuộc phát triển kinh tế, xã hội. Nhiều cơ sở giáo dục nghề nghiệp mới chỉ đào tạo theo nguồn “cung” có sẵn, chưa đáp ứng đào tạo theo kịp “cầu” của thị trường lao động. Vì vậy, cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh không tạo được sức hút đối với người học.

- Trang thiết bị phục vụ cho việc giáo dục nghề nghiệp còn thiếu và lạc hậu do nguồn kinh phí đầu tư còn chưa đáp ứng được sự phát triển của công nghệ và thị trường lao động. Nhiều cơ sở giáo dục nghề nghiệp, nhất là các trung tâm giáo dục nghề nghiệp vẫn sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị cũ, lạc hậu chưa theo kịp sự phát triển công nghệ và thiết bị máy móc mới của các doanh nghiệp, do vậy người học sau khi tốt nghiệp vào làm việc tại các doanh nghiệp chưa đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp.

- Công tác tuyển sinh ở một số cơ sở GDNN còn nhiều khó khăn, không tuyển đủ quy mô, chỉ tiêu. Cơ cấu tuyển sinh, đào tạo nghề còn bất cập, chủ yếu vẫn là trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng.

- Hiện nay, các doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng nhiều lao động chủ yếu là doanh nghiệp thuộc ngành nghề dệt, may, da giày, điện tử. Các doanh nghiệp này phần lớn tuyển lao động phổ thông vào đào tạo một thời gian ngắn rồi ký hợp đồng lao động. Các doanh nghiệp có xu hướng tự thực hiện đào tạo nghề nghiệp cho lao động hơn là hợp tác với cơ sở giáo dục nghề nghiệp để nâng cao chất lượng đào tạo.

- Công tác phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp THPT vào giáo dục nghề nghiệp chưa đạt hiệu quả theo mục tiêu kế hoạch của tỉnh.

- Chưa có chính sách khuyến khích doanh nghiệp sử dụng lao động đã qua đào tạo; chưa tạo được cơ chế phối hợp chặt chẽ bốn bên trong công tác giáo dục nghề nghiệp giữa nhà nước, nhà trường, doanh nghiệp và người học.

3. Sự cần thiết

- Đã có một số chính sách về hỗ trợ kinh phí đào tạo giáo dục nghề nghiệp đã ban hành như: Quốc hội, Chính phủ, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, các bộ, ngành đã ban hành 09 chính sách lớn về hỗ trợ đào tạo nghề cho các

nhóm đối tượng đặc thù (*Cụ thể theo phụ lục 01 đính kèm*); Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 21/02/2011, Quyết định số 1692/QĐ-UBND ngày 02/7/2014 và Quyết định số 3718/QĐ-UBND ngày 01/12/2017 phê duyệt danh mục và mức hỗ trợ đối với các nghề đào tạo cho lao động nông thôn tỉnh Hải Dương. Tuy nhiên, Đề án đã kết thúc từ năm 2020, vì vậy các Quyết định trên không còn hiệu lực.

Như vậy, từ Trung ương đến tỉnh chưa ban hành chính sách hỗ trợ đối với học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông tiếp tục học tập tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp học trình độ trung cấp, cao đẳng.

- Ngày 07/6/2022, Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương ban hành Quyết định số 1584/QĐ-UBND phê duyệt Đề án “Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh, góp phần xây dựng Hải Dương trở thành tỉnh công nghiệp hiện đại vào năm 2030”, Để phấn đấu đạt mục tiêu của đề án, cần phải đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động (*đặc biệt nguồn nhân lực thuộc lĩnh vực công nghiệp, chế biến, chế tạo, các nghề phục vụ cuộc cách mạng 4.0; các ngành, nghề có nhu cầu lao động lớn trong tỉnh*).

- Dùng ngân sách nhà nước tỉnh hỗ trợ một phần học phí cho học sinh đã tốt nghiệp THPT khi doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh Hải Dương đặt hàng đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng với các cơ sở GDNN trên địa bàn tỉnh từ năm học 2024-2025 đến năm học 2026-2027 nhằm thu hút học sinh tham gia học nghề, làm tốt công tác phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp THPT vào học GDNN trên địa bàn tỉnh, góp phần nâng cao chất lượng nguồn lao động, đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực có chất lượng, tay nghề cao phục vụ các doanh nghiệp, khu công nghiệp, cũng như nâng cao năng suất lao động và tăng năng lực cạnh tranh của tỉnh trong tình hình mới.

Việc ban hành chính sách đặc thù của tỉnh về hỗ trợ học phí cho học sinh tốt nghiệp THPT khi doanh nghiệp đặt hàng đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh là thực sự cần thiết và quan trọng để nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp nhanh nhất, theo hướng mở, linh hoạt, hiện đại, hiệu quả, hội nhập, đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường lao động trong tỉnh hiện nay và những năm tới. Đây cũng là giải pháp thực hiện có hiệu quả Đề án “Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh, góp phần xây dựng tỉnh Hải Dương trở thành tỉnh công nghiệp hiện đại vào năm 2030”.

II. NỘI DUNG CHÍNH SÁCH

Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất xây chính sách hỗ trợ học phí đối với học sinh tốt nghiệp THPT khi doanh nghiệp đặt hàng đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định mức hỗ trợ đào tạo đối với học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông khi doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh Hải Dương đặt hàng đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương từ năm học 2024-2025 đến năm học 2026-2027.

2. Đối tượng áp dụng

a) Học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông được các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh Hải Dương đặt hàng đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh.

b) Các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh Hải Dương có nhu cầu đặt hàng các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh.

c) Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, hoạt động giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh.

d) Cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh được ủy quyền giao nhiệm vụ, quản lý nhà nước về đặt hàng đào tạo học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông học trình độ trung cấp, cao đẳng.

3. Nguyên tắc thực hiện

a) Hỗ trợ học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông học trình độ trung cấp, cao đẳng đối với tất cả các ngành nghề khi doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh Hải Dương đặt hàng đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh.

b) Người học đủ điều kiện được hỗ trợ học phí học nghề chỉ được hưởng hỗ trợ một lần theo Nghị quyết này; người học đã được hỗ trợ học phí học nghề (*trừ một số ngành, nghề không thuộc một số nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm được giảm 70% học phí theo quy định tại điểm b, Khoản 1, Điều 16 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP*) theo các chính sách khác của Nhà nước ở cùng cấp trình độ đào tạo thì không được hỗ trợ theo quy định này.

c) Trường hợp các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thu học phí thấp hơn mức hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này thì căn cứ mức thu học phí của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp để hỗ trợ người học.

d) Trường hợp các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thu học phí cao hơn mức hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện hỗ trợ theo mức quy định tại Nghị quyết này.

e) Thời gian hỗ trợ học nghề là thời gian thực học của chương trình đào tạo toàn khóa, nhưng không quá 30 tháng đối với đào tạo trình độ cao đẳng và không quá 20 tháng đối với đào tạo trình độ trung cấp; thời gian hỗ trợ học phí đào tạo các nghề đặc thù tối đa không quá 30 tháng.

f) Trường hợp người học bỏ học giữa chừng thì hoàn trả toàn bộ số tiền Nhà nước và doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh đã hỗ trợ học phí trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cơ sở giáo dục nghề nghiệp ra thông báo buộc thôi học.

g) Người học ký cam kết sau khi tốt nghiệp phải làm việc tại doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh đã đặt hàng đào tạo ít nhất 03 năm. Trường hợp người học sau khi tốt nghiệp không thực hiện đúng cam kết thì phải bồi hoàn kinh phí hỗ trợ học phí Nhà nước và doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh đã hỗ trợ và chịu lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi không kỳ hạn do Ngân hàng nhà nước quy định (*trường hợp Ngân hàng Nhà nước không quy định lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi không kỳ hạn thì phải chịu lãi suất áp dụng đối với tiền gửi không kỳ hạn của Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam tại thời điểm thực hiện nghĩa vụ hoàn trả*) đối với khoản tiền đã hỗ trợ chậm nhất trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh ra thông báo người học sau khi tốt nghiệp không thực hiện làm việc tại doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh theo đúng cam kết.

h) Trường hợp doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh không sử dụng người học sau khi tốt nghiệp trình độ cao đẳng, trung cấp đã đặt hàng đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh thì người học nghề không phải bồi hoàn số tiền học phí đã được doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh hỗ trợ.

i) Trường hợp người học nghề sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng hoặc đang làm việc tại doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh mà không có nhu cầu làm việc hoặc tiếp tục làm việc tại doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh và được doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh thỏa thuận đồng ý không yêu cầu bồi hoàn thì người học nghề không phải bồi hoàn số tiền học phí đã được Ngân sách nhà nước và doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh hỗ trợ.

k) Doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh; người học; cơ sở giáo dục nghề nghiệp ký hợp đồng đặt hàng đào tạo nghề theo quy định.

4. Nội dung hỗ trợ

4.1. Cơ sở đề xuất mức hỗ trợ: Căn cứ điểm a, điểm b, Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ học phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo (*sau đây gọi tắt là Nghị định số 81/2021/NĐ-CP*) và điểm b, Khoản 2, Điều 1 Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ học phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo (*sau đây gọi tắt là Nghị định số 97/2023/NĐ-CP*). Theo quy định trên thì trung bình mức trần học phí đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập chưa tự đảm bảo chi thường xuyên được thực hiện như sau:

Đơn vị: đồng/sinh viên/tháng

TT	Năm học	Mức trần học phí trung bình
1	2024-2025	1.727.000
2	2025-2026	1.769.000
3	2026-2027	2.081.000

4.2. Mức hỗ trợ

a) Mức hỗ trợ học phí đối với người học học một số ngành, nghề không thuộc một số nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm được giảm 70% học phí theo quy định tại điểm b, Khoản 1, Điều 16 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP:

Mức hỗ trợ học phí từ nguồn Ngân sách Nhà nước bằng 50% trung bình mức trần học phí đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP và Nghị định số 97/2023/NĐ-CP khi doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh Hải Dương đặt hàng đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh; doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh hỗ trợ 30% trung bình mức trần học phí đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP và Nghị định số 97/2023/NĐ-CP cho người học; người học chi trả 20% mức học phí còn lại. Cụ thể như sau:

Đơn vị: đồng/sinh viên/tháng

TT	Năm học	Mức hỗ trợ của Nhà nước (50%)	Mức hỗ trợ của doanh nghiệp (30%)
1	2024-2025	863.500	518.100
2	2025-2026	884.500	530.700
3	2026-2027	1.040.500	624.300

b) Mức hỗ trợ học phí đối với người học học một số ngành, nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm được giảm 70% học phí theo quy định tại điểm b, Khoản 1, Điều 16 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP:

Người học được giảm 70% học phí một số nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo quy định tại điểm b, Khoản 1, Điều 16 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP; doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh hỗ trợ 30% học phí còn lại cho người học khi doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh Hải Dương đặt hàng đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh.

5. Nguồn kinh phí thực hiện hỗ trợ

Kinh phí thực hiện Nhà nước hỗ trợ từ Ngân sách tỉnh và xã hội hóa (mức 50%).

Kinh phí hỗ trợ của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh được trích từ nguồn kinh phí hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh theo quy định (mức 30%). Người học nộp số học phí còn lại (20%).

6. Cơ chế thực hiện hỗ trợ

6.1. Hỗ trợ từ Ngân sách nhà nước:

Ngân sách tỉnh cấp kinh phí hỗ trợ học phí học nghề hằng năm cho Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh. Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh cho vay học phí (không tính lãi suất) đối với học sinh tốt nghiệp THPT khi doanh nghiệp đặt hàng đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh. Khi người học nghề kết thúc khóa học thì người học nghề làm thủ tục quyết toán với Ngân hàng chính sách xã hội theo quy định (*Trình tự cụ thể sẽ do liên ngành Tài chính - Lao động - Thương binh và Xã hội - Ngân hàng chính sách xã hội hướng dẫn cụ thể*).

Hằng năm, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp lập kế hoạch, dự toán kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ này gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính để thẩm định, tổng hợp dự toán trình UBND tỉnh xem xét, quyết định phân kinh phí hỗ trợ từ Ngân sách nhà nước. Sau khi UBND tỉnh xem xét, quyết định kinh phí hỗ trợ thì Sở Tài chính bố trí ngân sách chuyển Ngân hàng chính sách xã hội thực hiện.

6.2. Hỗ trợ từ doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh

Doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh Hải Dương đặt hàng đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh trực tiếp chuyển kinh phí hỗ trợ học phí 01 kỳ đầu tiên cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp sau khi ký hợp đồng đặt hàng đào tạo. Các học kỳ tiếp theo hỗ trợ học phí theo học kỳ vào tháng 5 và tháng 11 hằng năm.

7. Dự kiến kinh phí thực hiện

Theo báo cáo kết quả tuyển sinh thì học sinh tốt nghiệp THPT học trình độ cao đẳng, trung cấp bình quân hằng năm là 1.900 người; trong đó học sinh, sinh viên học các ngành thuộc danh mục ngành, nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm khoảng 900 người (*là những đối tượng được giảm 70% học phí theo quy định tại điểm b, Khoản 1, Điều 16 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP và được doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh hỗ trợ 30% mức học phí còn lại*). Do vậy, chỉ còn khoảng 1.000 người thuộc đối tượng do Nhà nước hỗ trợ học phí theo Nghị quyết này.

* Kinh phí dự kiến do Nhà nước hỗ trợ như sau:

- Năm học 2024-2025: Tổng số sinh viên: 1.000 người (trình độ cao đẳng là 895 người, trình độ trung cấp là 105 người). Kinh phí hỗ trợ là **8.635.000.000** đồng.

- Năm học 2025-2026: Tổng số sinh viên: 2.150 người (đang học năm thứ hai 895 người và tuyển mới là 1.255 người). Kinh phí thực hiện: **18.806.750.000** đồng.

- Năm học 2026-2027: Tổng số sinh viên: 3.367 (đang học năm thứ hai, thứ ba là 2.045 người và tuyển mới là 1.322 người). Kinh phí thực hiện: **31.655.485.000** đồng.

Dự kiến tổng kinh phí do Nhà nước hỗ trợ học phí trong 03 năm học (từ năm học 2024-2025 đến hết năm học 2026-2027): **59.097.235.000** đồng (1).

* Kinh phí dự kiến do doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh hỗ trợ như sau:

- Năm học 2024-2025: Tổng số sinh viên: 1.900 người (trình độ cao đẳng là 1.690 người, trình độ trung cấp là 210 người). Kinh phí hỗ trợ là **9.843.900.000** đồng.

Năm học 2025-2026: Tổng số sinh viên: 4.085 người (đang học năm thứ hai 1.900 người và tuyển mới là 2.185 người). Kinh phí thực hiện: **21.439.695.000** đồng.

Năm học 2026-2027: Tổng số sinh viên: 6.387 (đang học năm thứ hai, thứ ba là 3.875 người và tuyển mới là 2.512 người). Kinh phí thực hiện: **36.034.101.000** đồng.

Dự kiến tổng kinh phí do doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh hỗ trợ học phí trong 03 năm học (từ năm học 2024-2025 đến hết năm học 2026-2027): **67.317.696.000** đồng (2).

Tổng kinh phí dự kiến Nhà nước và doanh nghiệp hỗ trợ (1)+(2) là: **126.625.741.000** đồng (*một trăm hai mươi sáu tỷ, sáu trăm hai mươi lăm nghìn, bảy trăm bốn mươi một nghìn đồng*) (Có phụ lục 02 kèm theo).

8. Ưu điểm, hạn chế của chính sách:

8.1. Ưu điểm

Chính sách tạo cơ hội cho học sinh tốt nghiệp THPT được học nghề, lập nghiệp, có việc làm bền vững. Góp phần nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo, phát triển nguồn nhân lực có kỹ năng nghề và tăng năng lực cạnh tranh trong tình hình mới.

Giúp cho các cơ sở GDNN hoạt động trên địa bàn tỉnh giảm bớt khó khăn trong công tác tuyển sinh, chủ động thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo và giải quyết việc làm để thu hút người học.

Khuyến khích được học sinh của tỉnh tham gia học trình độ cao đẳng, trung cấp học nghề gắn với giải quyết việc làm trong thời gian học và khi kết thúc khóa học, phù hợp với việc thu hút đầu tư của tỉnh Hải Dương.

Gắn trách nhiệm, vai trò của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh đối với người học nghề trong suốt quá trình đào tạo.

Đẩy mạnh gắn kết chặt chẽ, có sự ràng buộc (*ký hợp đồng đặt hàng đào tạo, ký hợp đồng cam kết*) giữa Nhà nước, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và người học.

8.2. Hạn chế:

Trình tự, thủ tục, cơ chế thực hiện chính sách phức tạp do học sinh, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp phải khảo sát nhu cầu, ký hợp đồng đặt hàng đào tạo, theo dõi, giám sát người học sau quá trình đào tạo, ...; Một doanh nghiệp có thể phải ký hợp đồng đặt hàng đào tạo với nhiều cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoặc chỉ đăng ký nhu cầu số lượng ít lao động ở một số ngành, nghề mà chưa đủ điều kiện tổ chức thành 01 lớp học, ...

Việc thực hiện hỗ trợ qua Ngân hàng chính sách xã hội với hình thức cho vay, quyết toán khi hết khóa học gặp khó khăn do chưa có quy định cụ thể về trình tự, thủ tục thực hiện.

Đào tạo nguồn nhân lực chưa đáp ứng kịp thời đối với những doanh nghiệp quyết định đầu tư và đi vào hoạt động ngay do thời gian đào tạo dài (từ 02-03 năm).

Một số các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh không đáp ứng được một số ngành, nghề công nghệ cao khi doanh nghiệp đặt hàng.

Đối tượng được hỗ trợ bao gồm cả học sinh tỉnh ngoài khi đăng ký học các nghề doanh nghiệp đặt hàng đào tạo, vì vậy chưa tập trung vào việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh.

Khi người học không làm việc tại doanh nghiệp theo đúng cam kết sau khi tốt nghiệp hoặc bỏ học hoặc bị đuổi học, ... thì công tác quản lý, thu hồi tiền hỗ trợ sẽ gặp khó khăn.

Tuyển mới từ năm thứ 2 thực hiện chính sách sẽ khó hơn do người học được tuyển mới năm học 2025-2026 và năm học 2026-2027 không được hỗ trợ học phí hết khóa học.

III. THỜI GIAN THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH

Từ năm học 2024-2025 đến năm học 2026-2027 (*hết 03 năm sẽ tổ chức tổng kết, đánh giá, đề xuất chính sách trong những năm tiếp theo*).

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất nhiệm vụ các sở, ngành, địa phương, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh; doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, tổ chức cá nhân, học sinh, sinh viên tổ chức thực hiện, cụ thể như sau:

1. Văn phòng UBND tỉnh, các sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý các khu công nghiệp có trách nhiệm phổ biến, tuyên truyền, khuyến khích cụ thể đối với các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh mới đầu tư trên địa bàn tỉnh đăng ký nhu cầu tuyển dụng lao động, ký hợp đồng đặt hàng đào tạo lao động theo quy định.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với các Sở, ngành liên quan, các cơ sở, tổ chức, cá nhân chỉ đạo tổ chức thực hiện; Phối hợp với Sở Tài chính, Ngân hàng chính sách xã hội hướng dẫn trình tự, thủ tục, hồ sơ thực hiện cho vay hỗ trợ học phí học nghề theo quy định; Kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện chính sách hỗ trợ học phí học nghề; Hằng năm, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh về kết quả thực hiện.

3. Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các Sở, ngành, địa phương chỉ đạo nâng cao hiệu quả công tác hướng nghiệp, phân luồng học sinh phổ thông. Chỉ đạo Phòng Giáo dục đào tạo, các trường THPT phổ biến, tuyên truyền chính sách của tỉnh để nâng cao nhận thức và thu hút học sinh tốt nghiệp THPT tham gia học nghề.

4. Sở Tài chính tham mưu bố trí nguồn kinh phí thực hiện hỗ trợ học phí theo quy định được phê duyệt; phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ngân hàng chính sách xã hội hướng dẫn trình tự, thủ tục, hồ sơ thực hiện hỗ trợ học phí học nghề theo quy định; hướng dẫn sử dụng kinh phí, thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ học phí đảm bảo đúng quy định pháp luật.

5. Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Hải Dương: Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh hướng dẫn quy trình thực hiện cho vay hỗ trợ học phí đối với học sinh tốt nghiệp THPT khi doanh nghiệp đặt hàng đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương; quyết toán thực hiện hỗ trợ học phí theo quy định tại Nghị quyết này.

6. UBND các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo các phòng, cơ quan chức năng cấp huyện, UBND các xã, phường, thị trấn tổ chức tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Nhà nước, của tỉnh đối với công tác GDNN; triển khai thực hiện tốt công tác hướng nghiệp, phân luồng học sinh tại các cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn. Hằng năm, có trách nhiệm phổ biến, tuyên truyền, khuyến khích cụ thể đối với các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh đang hoạt động trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố đăng ký nhu cầu tuyển dụng lao động, ký hợp đồng đặt hàng đào tạo lao động theo quy định. Phối hợp với các Sở, ngành chức năng thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện chính sách của tỉnh về công tác GDNN tại các cơ sở GDNN hoạt động trên địa bàn địa phương quản lý.

7. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tổ chức tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Nhà nước, của tỉnh đến toàn thể cán bộ, nhà giáo, người lao động, học sinh, sinh viên tại đơn vị; triển khai thực hiện tốt chính sách của Nhà nước, của tỉnh; hằng năm, lập kế hoạch, dự toán kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ của tỉnh gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính để thẩm định, tổng hợp dự toán trình UBND tỉnh xem xét, quyết định phân kinh phí hỗ trợ từ Ngân sách nhà nước.

8. Các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh tổ chức tuyên truyền chính sách của tỉnh đến toàn thể cán bộ, người lao động tại đơn vị; đối với các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh căn cứ nhu cầu ký hợp đồng đặt hàng đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh chủ động bố trí nguồn kinh phí đảm bảo cho việc hỗ trợ kinh phí đào tạo; thực hiện chuyển kinh phí hỗ trợ học phí cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo quy định.

9. Học sinh tốt nghiệp THPT thực hiện tốt các quy định đối với người học của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; thực hiện nghĩa vụ chi trả kinh phí còn lại sau khi được Nhà nước, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh hỗ trợ học phí; thực hiện làm việc tại doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh sau khi tốt nghiệp như cam kết.

Trên đây là dự thảo Tờ trình đề nghị xây dựng Nghị quyết về việc hỗ trợ học phí đối với học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông khi doanh nghiệp đặt hàng đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét quyết định./.

(Xin gửi kèm theo dự thảo các văn bản: Đề cương Nghị quyết HĐND, báo cáo đánh giá tác động của chính sách).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Sở LĐTBXH;
- Lưu: VT, KGVX.

CHỦ TỊCH